

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 09/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**  
**MÔN THI: KIẾN THỨC CHUNG**

Thời gian : 17h45 - 21/09/2025 - Phòng : 508 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN              | NGÀY SINH  | NƠI SINH       | LỚP     | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ  |
|----|-------------|------------------------|------------|----------------|---------|-------|--------|--------|------|-----|----------|
|    |             |                        |            |                |         |       |        |        | SỐ   | CHỮ |          |
| 1  | 28213100970 | Hồ Ngọc Đại            | 11/05/2004 | Thừa Thiên Huế | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 2  | 28212302902 | Nguyễn Lý Hữu Đang     | 28/02/2004 | Quảng Ngãi     | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 3  | 28218125221 | Trần Lê Khánh Duy      | 09/08/2004 | Đà Nẵng        | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 4  | 28208003815 | Đinh Ngọc Gia Hân      | 04/11/2004 | Đà Nẵng        | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 5  | 28208039257 | Phan Thị Hằng          | 13/11/2004 | Quảng Nam      | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 6  | 28208036232 | Lê Song Diêu Hiền      | 04/10/2004 | Đà Nẵng        | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 7  | 28204502696 | Võ Thị Lệ Huyền        | 11/10/2004 | Quảng Ngãi     | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 8  | 28206204952 | Trần Thùy Linh         | 19/10/2004 | Đà Nẵng        | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 9  | 28216204311 | Đặng Thị Thảo Ly       | 08/02/2004 | Quảng Nam      | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 10 | 28208004374 | Trần Thị Tuyết Mai     | 10/01/2004 | Quảng Nam      | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 11 | 28208047929 | Mai Thị Thảo Ngân      | 14/10/2004 | Bình Định      | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 12 | 28202701172 | Lê Thị Yên Nhi         | 24/06/2004 | Gia Lai        | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 13 | 28207130764 | Nguyễn Thị Yên Nhi     | 28/08/2004 | Nghệ An        | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 14 | 29207150572 | Phan Quỳnh Như         | 15/07/2005 | Gia Lai        | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 15 | 28211337136 | Nguyễn Tấn Phát        | 29/06/2004 | Bình Định      | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 16 | 28212742360 | Trương Trọng Phú       | 27/02/2004 | Gia Lai        | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 17 | 28218102264 | Trần Trọng Phúc        | 14/05/2004 | Đắk Lắk        | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 18 | 28212701395 | Phan Văn Quân          | 22/05/2004 | Đà Nẵng        | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 19 | 28214634799 | Võ Xuân Quang          | 10/02/2004 | Bình Định      | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 20 | 28212451416 | Đỗ Văn Tài             | 03/01/2004 | Quảng Bình     | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 21 | 28204304168 | Nguyễn Thị Hồng Nhi    | 07/02/2004 | Bình Định      | 31SHT5  |       |        |        |      |     | Thi ghép |
| 22 | 27202942225 | Trương Đoàn Khánh Đoan | 13/07/2003 | Đà Nẵng        | 31SYC1  |       |        |        |      |     | Thi ghép |

Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....

LẬP BẢNG

GIÁM THỊ 1, 2, 3

GIÁM KHẢO 1, 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 09/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**  
**MÔN THI: KIẾN THỨC CHUNG**

Thời gian : 17h45 - 21/09/2025 - Phòng : 609 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN             | NGÀY SINH  | NƠI SINH       | LỚP     | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ  |
|----|-------------|-----------------------|------------|----------------|---------|-------|--------|--------|------|-----|----------|
|    |             |                       |            |                |         |       |        |        | SỐ   | CHỮ |          |
| 1  | 28207100317 | Nguyễn Phú Thanh      | 04/02/2004 | Kon Tum        | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 2  | 28212346171 | Nguyễn Văn Thương     | 26/03/2004 | Quảng Ngãi     | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 3  | 28218050646 | Nguyễn Thị Bảo Trâm   | 21/01/2004 | Bình Định      | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 4  | 28202700159 | Lê Viết Huyền Trân    | 06/02/2004 | Đà Nẵng        | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 5  | 29207160440 | Đồng Huyền Trang      | 08/06/2005 | Bình Định      | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 6  | 28212448348 | Nguyễn Chí Trung      | 08/11/2004 | Quảng Ngãi     | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 7  | 30218263572 | Diệp Thanh Tú         | 04/12/2002 | Đà Nẵng        | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 8  | 28218304750 | Nguyễn Thành Tuấn     | 25/09/2004 | Bình Định      | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 9  | 28206236563 | Nguyễn Thị Minh Tuyền | 16/06/2004 | Đà Nẵng        | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 10 | 28208102867 | Ngô Thị Tú Uyên       | 28/05/2004 | Đắk Lắk        | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 11 | 28218000754 | Võ Quốc Việt          | 10/02/2004 | Quảng Nam      | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 12 | 28212449457 | Hoàng Đình Vinh       | 07/06/2004 | Đà Nẵng        | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 13 | 28212703522 | Nguyễn Xuân Vinh      | 19/02/2004 | Đắk Lắk        | 31TBN10 |       |        |        |      |     |          |
| 14 | 27207138453 | Lê Nguyễn Trang Anh   | 06/03/2003 | Quảng Nam      | 31TYC10 |       |        |        |      |     |          |
| 15 | 28212502222 | Lê Quốc Đạt           | 11/04/2004 | Quảng Ngãi     | 31TYC10 |       |        |        |      |     |          |
| 16 | 29204621540 | Võ Thị Diễm           | 18/07/2005 | Quảng Nam      | 31TYC10 |       |        |        |      |     |          |
| 17 | 25215210013 | Doãn Ngọc Dương       | 13/03/2001 | Gia Lai        | 31TYC10 |       |        |        |      |     |          |
| 18 | 28204603724 | Nguyễn Mỹ Duyên       | 29/03/2004 | Thừa Thiên Huế | 31TYC10 |       |        |        |      |     |          |
| 19 | 27211321762 | Trần Văn Hiếu         | 30/10/2003 | Đà Nẵng        | 31TYC10 |       |        |        |      |     |          |
| 20 | 28204628324 | Nguyễn Thanh Ngọc     | 12/10/2004 | Đà Nẵng        | 31TYC10 |       |        |        |      |     |          |
| 21 | 28212637493 | Nguyễn Khánh Hoàng    | 24/06/2004 | Đà Nẵng        | 31TYC10 |       |        |        |      |     |          |
| 22 | 28212504308 | Phù Thanh Huy         | 04/06/2004 | Quảng Ngãi     | 31TYC10 |       |        |        |      |     |          |
| 23 | 29204952140 | Nguyễn Thị Ngọc Khánh | 04/10/2005 | Hà Tĩnh        | 31TBN8  |       |        |        |      |     | Thi ghép |
| 24 | 28214741629 | Trần Thiện Tâm        | 20/09/2004 | Quảng Nam      | 31THT4  |       |        |        |      |     | Thi ghép |
| 25 | 28204804855 | Lê Thị Yến Nhi        | 03/03/2004 | Quảng Nam      | 31THT9  |       |        |        |      |     | Thi ghép |
| 26 | 28204550611 | Nguyễn Đoàn Oanh Thư  | 02/09/2002 | Đà Nẵng        | 31THT9  |       |        |        |      |     | Thi ghép |

Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THỊ 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

*Thời gian : 17h45 - 21/09/2025 - Phòng : 609 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH   | LỚP       | DL BT  | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ  |
|----|-------------|-----------|-----------|------------|-----------|--------|--------|--------|------|-----|----------|
|    |             |           |           |            |           |        |        |        | SỐ   | CHỮ |          |
| 27 | 27211344426 | Đỗ Văn    | Vỹ        | 05/02/2003 | Quảng Nam | 31TSC4 |        |        |      |     | Thi ghép |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THỊ 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 09/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**  
**MÔN THI: KIẾN THỨC CHUNG**

Thời gian : 17h45 - 21/09/2025 - Phòng : 610 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN      | NGÀY SINH | NƠI SINH   | LỚP            | DL BT   | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ |
|----|-------------|----------------|-----------|------------|----------------|---------|--------|--------|------|-----|---------|
|    |             |                |           |            |                |         |        |        | SỐ   | CHỮ |         |
| 1  | 26205339282 | Lê Thị Thanh   | Huyền     | 14/07/2001 | Bình Phước     | 31TYC10 |        |        |      |     |         |
| 2  | 29205241164 | Phan Mạnh Kim  | Huyền     | 18/11/2005 | Kon Tum        | 31TYC10 |        |        |      |     |         |
| 3  | 29204655123 | Lê Nguyễn Hồng | Loan      | 02/11/2005 | Quảng Ngãi     | 31TYC10 |        |        |      |     |         |
| 4  | 29214327395 | Hồ Chánh       | Luật      | 14/05/2005 | Quảng Nam      | 31TYC10 |        |        |      |     |         |
| 5  | 28214504035 | Lê Đắc Bảo     | Minh      | 14/12/2004 | Quảng Bình     | 31TYC10 |        |        |      |     |         |
| 6  | 28218005110 | Bùi Văn Sơn    | Miô       | 26/07/2004 | Đắk Lắk        | 31TYC10 |        |        |      |     |         |
| 7  | 28208002271 | Phan Thiên     | Nga       | 15/06/2004 | Quảng Nam      | 31TYC10 |        |        |      |     |         |
| 8  | 27211328037 | Nguyễn Bá      | Phúc      | 01/12/2003 | Đà Nẵng        | 31TYC10 |        |        |      |     |         |
| 9  | 29204953428 | Lê Thị Thúy    | Phượng    | 02/11/2005 | Quảng Ngãi     | 31TYC10 |        |        |      |     |         |
| 10 | 28212504613 | Trần Minh      | Quân      | 30/04/2004 | Đà Nẵng        | 31TYC10 |        |        |      |     |         |
| 11 | 28209238485 | Nguyễn Thị Mỹ  | Tâm       | 06/01/2004 | Quảng Nam      | 31TYC10 |        |        |      |     |         |
| 12 | 27203730787 | Đoàn Thị       | Thanh     | 29/10/2003 | Quảng Bình     | 31TYC10 |        |        |      |     |         |
| 13 | 29208163237 | Phan Thị Thanh | Thanh     | 16/12/2005 | Quảng Nam      | 31TYC10 |        |        |      |     |         |
| 14 | 27202141055 | Nguyễn Thị Anh | Thư       | 25/08/2003 | Đà Nẵng        | 31TYC10 |        |        |      |     |         |
| 15 | 28212539645 | Nguyễn Văn     | Toàn      | 28/12/2003 | Gia Lai        | 31TYC10 |        |        |      |     |         |
| 16 | 29208145757 | Trần Thị Thùy  | Trâm      | 04/12/2005 | Quảng Nam      | 31TYC10 |        |        |      |     |         |
| 17 | 28206503269 | Hoàng Thị Cẩm  | Tú        | 30/06/2004 | Đắk Lắk        | 31TYC10 |        |        |      |     |         |
| 18 | 28213506275 | Nguyễn Anh     | Tú        | 13/01/2004 | Nghệ An        | 31TYC10 |        |        |      |     |         |
| 19 | 29214627184 | Đoàn Lê Bình   | Việt      | 15/03/2005 | Quảng Nam      | 31TYC10 |        |        |      |     |         |
| 20 | 28212552639 | Nguyễn Bảo     | Vinh      | 31/08/2004 | Quảng Nam      | 31TYC10 |        |        |      |     |         |
| 21 | 28212135697 | Hoàng Dương    | Vũ        | 15/01/2004 | Thừa Thiên Huế | 31TYC10 |        |        |      |     |         |
| 22 | 28212306046 | Huỳnh Anh      | Vũ        | 16/07/2004 | Phú Yên        | 31TYC10 |        |        |      |     |         |
| 23 | 28206900642 | Nguyễn Thị Mỹ  | Duyên     | 16/01/2004 | Bình Định      | 31TYC9  |        |        |      |     |         |
| 24 | 28208002019 | Huỳnh Đặng Kỳ  | Duyên     | 08/10/2003 | Hậu Giang      | 31TYC9  |        |        |      |     |         |
| 25 | 26205333752 | Cao Văn        | Hà        | 19/11/2002 | Nghệ An        | 31TYC9  |        |        |      |     |         |
| 26 | 27204244089 | Huỳnh Thị Thu  | Hiền      | 28/06/2003 | An Giang       | 31TYC9  |        |        |      |     |         |

Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THỊ 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

*Thời gian : 17h45 - 21/09/2025 - Phòng : 610 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH   | LỚP     | DL BT  | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ |
|----|-------------|-----------|-----------|------------|---------|--------|--------|--------|------|-----|---------|
|    |             |           |           |            |         |        |        |        | SỐ   | CHỮ |         |
| 27 | 28204401029 | Võ Thị    | Hiếu      | 07/09/2004 | Kon Tum | 31TYC9 |        |        |      |     |         |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THỊ 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 09/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**  
**MÔN THI: KIẾN THỨC CHUNG**

*Thời gian : 17h45 - 21/09/2025 - Phòng : 623 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN              | NGÀY SINH | NƠI SINH   | LỚP        | DL BT  | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ |
|----|-------------|------------------------|-----------|------------|------------|--------|--------|--------|------|-----|---------|
|    |             |                        |           |            |            |        |        |        | SỐ   | CHỮ |         |
| 1  | 26215342060 | Lê Trần Minh           | Hoàng     | 10/03/2002 | Kon Tum    | 31TYC9 |        |        |      |     |         |
| 2  | 27215252673 | Phạm Phúc              | Lâm       | 08/11/2003 | Bình Định  | 31TYC9 |        |        |      |     |         |
| 3  | 28214332370 | Văn Bá Bảo             | Lộc       | 16/01/2004 | Đà Nẵng    | 31TYC9 |        |        |      |     |         |
| 4  | 26205339303 | Trần Tuyết             | Mai       | 05/09/2001 | Bình Phước | 31TYC9 |        |        |      |     |         |
| 5  | 27215202879 | Nguyễn Kiều            | My        | 18/03/2003 | Hà Nội     | 31TYC9 |        |        |      |     |         |
| 6  | 30206554115 | Hoàng Thị              | Mỹ        | 18/01/2006 | Quảng Trị  | 31TYC9 |        |        |      |     |         |
| 7  | 28208004207 | Phạm Huyền             | Na        | 26/10/2003 | Đắk Lắk    | 31TYC9 |        |        |      |     |         |
| 8  | 28204400089 | Bùi Thị Thảo           | Ngân      | 28/04/2004 | Gia Lai    | 31TYC9 |        |        |      |     |         |
| 9  | 26215342454 | Phạm Đình Hữu          | Nghĩa     | 31/10/2002 | Lâm Đồng   | 31TYC9 |        |        |      |     |         |
| 10 | 28204653373 | Phan Bích              | Ngọc      | 02/09/2004 | Hà Tĩnh    | 31TYC9 |        |        |      |     |         |
| 11 | 28208204435 | Lê Yên                 | Nhi       | 16/09/2004 | Gia Lai    | 31TYC9 |        |        |      |     |         |
| 12 | 29206544657 | Nguyễn Thị Yến         | Nhi       | 07/09/2005 | Quảng Ngãi | 31TYC9 |        |        |      |     |         |
| 13 | 28213243451 | Trần Hữu Thanh         | Phong     | 03/02/2004 | Quảng Nam  | 31TYC9 |        |        |      |     |         |
| 14 | 28212740003 | Hồ Duy                 | Phú       | 24/06/2004 | Đà Nẵng    | 31TYC9 |        |        |      |     |         |
| 15 | 28218251544 | Phan Nguyễn Hoàng Phúc |           | 14/07/2004 | Quảng Nam  | 31TYC9 |        |        |      |     |         |
| 16 | 28218254388 | Nguyễn                 | Sáng      | 16/02/2004 | Đà Nẵng    | 31TYC9 |        |        |      |     |         |
| 17 | 28206502758 | Trần Đặng Thị Khánh    | Tâm       | 25/12/2004 | Quảng Nam  | 31TYC9 |        |        |      |     |         |
| 18 | 29206558626 | Nguyễn Thị Phương      | Thanh     | 21/05/2005 | Hà Tĩnh    | 31TYC9 |        |        |      |     |         |
| 19 | 28212704157 | Triệu Minh             | Thành     | 06/05/2004 | Gia Lai    | 31TYC9 |        |        |      |     |         |
| 20 | 26205339335 | Nguyễn Thị Thanh       | Thảo      | 18/10/2001 | Quảng Nam  | 31TYC9 |        |        |      |     |         |
| 21 | 28208154549 | Võ Thị Phương          | Thảo      | 27/10/2004 | Quảng Nam  | 31TYC9 |        |        |      |     |         |
| 22 | 26205341898 | Nguyễn Ý               | Thơ       | 03/10/2002 | Khánh Hòa  | 31TYC9 |        |        |      |     |         |
| 23 | 28206702059 | Ngô Thị Diệu           | Trâm      | 13/04/2004 | Quảng Trị  | 31TYC9 |        |        |      |     |         |
| 24 | 28208202034 | Lê Nguyên Bảo          | Trân      | 10/04/2004 | Đà Nẵng    | 31TYC9 |        |        |      |     |         |
| 25 | 28206222896 | Huỳnh Thị Việt         | Trình     | 01/10/2004 | Đà Nẵng    | 31TYC9 |        |        |      |     |         |
| 26 | 28202705930 | Nguyễn Ngọc Tố         | Uyên      | 22/03/2004 | Đắk Lắk    | 31TYC9 |        |        |      |     |         |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THỊ 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

*Thời gian : 17h45 - 21/09/2025 - Phòng : 623 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN    | NGÀY SINH | NƠI SINH   | LỚP        | DL BT  | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ |
|----|-------------|--------------|-----------|------------|------------|--------|--------|--------|------|-----|---------|
|    |             |              |           |            |            |        |        |        | SỐ   | CHỮ |         |
| 27 | 28212705795 | Nguyễn Long  | Vũ        | 29/06/2004 | Quảng Ngãi | 31TYC9 |        |        |      |     |         |
| 28 | 28208122880 | Hồ Thị Thanh | Xuân      | 25/12/2004 | Quảng Nam  | 31TYC9 |        |        |      |     |         |
| 29 | 28208251532 | Bùi Hải      | Yến       | 18/05/2004 | Gia Lai    | 31TYC9 |        |        |      |     |         |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THỊ 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**